|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 1**  **trangtailieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2022 –2023**  **MÔN SINH 12** |

**Câu 1:** Kiểu phân bố cá thể trong quần thể mà có ý nghĩa sinh thái giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường là

**A.** phân bố phân tầng. **B.** phân bố ngẫu nhiên.

**C.** phân bố theo nhóm. **D.** phân bố đồng đều.

**Câu 2:** Hiện tượng sống bầy đàn ở cá, sống bầy đàn ở chim là các ví dụ về mối quan hệ

**A.** hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể.

**B.** cạnh tranh nguồn sống giữa các cá thể trong quần xã.

**C.** cạnh tranh nguồn sống giữa các cá thể trong quần thể.

**D.** hỗ trợ giữa các cá thể trong quần xã.

**Câu 3:** Ví dụ nào sau đây nói về quan hệ ức chế - cảm nhiễm?

**A.** Các loài cỏ dại cạnh tranh với lúa về dinh dưỡng.

**B.** Hai loài trùng cỏ cùng ăn vi sinh vật cạnh tranh thức ăn.

**C.** Các cây ưa sáng trong rừng cạnh tranh nhau về ánh sáng.

**D.**  Khuẩn lam tiết các chất độc, gây hại cho các loài động vật sống xung quanh.

**Câu 4:** Ví dụ nào sau đây không thể hiện hiệu quả nhóm?

**A.** Hầu hết cây trồng nhiệt đới quang hợp tốt nhất ở nhiệt độ 20°C - 30°C, khi nhiệt độ xuống dưới 0°C cây ngừng quang hợp.

**B.** Bồ nông xếp thành hàng bắt được nhiều cá hơn bồ nông đi kiếm ăn riêng rẽ.

**C.** Các cây thông nhựa liền rễ sinh trưởng nhanh và có khả năng chịu hạn tốt hơn các cây sống riêng rẽ.

**D.** Những cây sống theo nhóm chịu gió bão tốt hơn những cây sống riêng lẻ.

**Câu 5:** Đặc điểm **không** phải của diễn thế thứ sinh là

**A.** trong điều kiện thuận lợi, thời gian dài có thể hình thành nên quần xã tương đối ổn định.

**B.** xuất hiện ở môi trường chưa có sinh vật, hình thành nên quần xã đỉnh cực

**C.** do những thay đổi của tự nhiên hoặc hoạt động khác thái không hợp lí của con người.

**D.** xuất hiện ở môi trường đã có quần xã sinh vật, hình thành nên quần xã suy thoái.

**Câu 6:** Quần thể là

**A.** tập hợp các cá thể trong cùng một loài, sinh sống trong các khoảng không gian khác nhau, vào một thời gian nhất định, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**B.** tập hợp các cá thể trong cùng một loài, sinh sống trong các khoảng không gian khác nhau, vào các thời điểm khác nhau, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**C.** tập hợp các cá thể trong cùng một loài, cùng sinh sống trong một khoảng không gian xác định, vào một thời gian nhất định, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**D.** một nhóm các cá thể trong cùng một loài, cùng sinh sống trong một khoảng không gian xác định, vào những thời gian khác nhau, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**Câu 7:** Trong rừng mưa nhiệt đới, có loài dây leo thân gỗ ưa sáng thường dựa vào các cây gỗ cao khác để vươn lên giành ánh sáng trực tiếp. Vì vậy đã làm các cây gỗ cao sinh trưởng kém đi, đó là mối quan hệ:

**A.** cộng sinh. **B.** hội sinh. **C.** cạnh tranh. **D.** kí sinh.

**Câu 8:** Khi nói về giới hạn sinh thái, điều nào sau đây *không đúng*?

**A.** Cơ thế sinh vật sinh trưởng tốt nhất ở khoảng cực thuận của giới hạn sinh thái

**B.** Loài sống ở vùng xích đạo có giới hạn sinh thái về nhiệt độ hẹp hơn loài sống ở vùng cực

**C.** Những loài có giới hạn sinh thái càng hẹp thì có vùng phân bố càng rộng

**D.** Cơ thể còn non có giới hạn sinh thái hẹp hơn so với cơ thể trường thành

**Câu 9:** Một quần thể sinh vật sẽ bị diệt vong nếu mất đi nhóm tuổi

**A.** trước sinh sản và sau sinh sản. **B.** trước sinh sản và đang sinh sản.

**C.** sau sinh sản. **D.** trước sinh sản.

**Câu 10:** .Đối với con hươu thì báo và cây cỏ nó ăn thuộc

**A.**  nhân tố đặc biệt. **B.**  nhân tố con người. **C.**  nhân tố vô sinh. **D.** nhân tố hữu sinh.

**Câu 11:** Biến động số lượng cá thể của quần thể được chia thành hai dạng là biến động

**A.** theo chu kì mùa và theo chu kì nhiều năm.

**B.** theo chu kì ngày đêm và biến động không theo chu kì.

**C.** theo chu kì ngày đêm và theo chu kì mùa.

**D.** không theo chu kì và biến động theo chu kì.

**Câu 12:** Quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể xảy ra khi

**A.** mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao, nguồn sống của môi trường không đủ cung cấp cho mọi cá thể trong quần thể.

**B.** khi hai cá thể có cùng một tập tính hoạt động, sống trong cùng một môi trường nên chúng mâu thuẫn với nhau dẫn đến cạnh tranh.

**C.** khi các cá thể sống trong các khu vực khác nhau, khi chúng xâm phạm nơi của nhau thì sự cạnh tranh diễn ra

**D.** khi các cá thể có cùng một nhu cầu dinh dưỡng và trước cùng một nguồn dinh dưỡng, khi đó xảy ra sự cạnh tranh dinh dưỡng.

**Câu 13:** Có bao nhiêu tập hợp sau đây là quần thể?  
1. Một đàn sói sống trong rừng.               2. Một lồng gà bán ngoài chợ.  
3. Đàn cá rô phi đơn tính sống dưới ao.   4. Những con chim trong một khu rừng.        5. Một rừng cây.   
Phương án đúng là **A.** 2. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 1.

**Câu 14:** Trong một bể cá nuôi, hai loài cá cùng bắt động vật nổi làm thức ăn. Một loài ưa sống nơi sống nơi thoáng đãng, còn một loài lại thích sống dựa dẫm vào các vật thể trôi nổi trong nước. Chúng cạnh tranh gay gắt với nhau về thức ăn. Người ta cho vào bể một ít rong với mục đích để.

**A.** tăng hàm lượng oxy trong nước nhờ sự quang hợp của rong.

**B.** Làm giảm bớt chất ô nhiễm trong bể nuôi.

**C.** Bổ sung lượng thức ăn cho cá.

**D.** Giảm sự cạnh tranh của hai loài.

**Câu 15:** Nhân tố sinh thái hữu sinh bao gồm

**A.** thực vật, động vật và con người.

**B.** vi sinh vật, nấm, tảo, thực vật, động vật và con người.

**C.** vi sinh vật, thực vật, động vật và con người.

**D.** thế giới hữu cơ của môi trường, là những mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau.

**Câu 16:** Mối quan hệ nào sau đây là quan hệ đối kháng trong quần xã?

**A.** cộng sinh **B.** Hội sinh **C.** hợp tác **D.** ức chế- cảm nhiễm

**Câu 17:** Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kích thước của quần thể là

**A.** mức sinh sản, mức tử vong, mức xuất cư, mức nhập cư.

**B.** khối lượng tối đa của cá thể, mức sinh sản, mức xuất - nhập cư.

**C.** mức sinh sản, mức tử vong, mức xuất - nhập cư, nguồn sống.

**D.** mức sinh sản, mức tử vong, kích thước tối đa của cá thể.

**Câu 18:** Những yếu tố nào không ảnh hưởng trực tiếp tới kích thước quần thể?

**A.** Nhập cư và xuất cư **B.** Tỷ lệ giới tính **C.** Sinh sản **D.** Tử vong

**Câu 19:** Nếu trong những mẻ lưới thu được khi đánh cá có tỉ lệ cá con chiếm ưu thế, cá lớn rất ít thì ta hiểu rằng

**A.** nghề cá chưa khai thác hết tiềm năng cho phép. **B.** nghề cá đang đánh bắt một cách hợp lý.

**C.** nghề cá đã rơi vào tình trạng khai thác quá mức. **D.** các quần thể cá đang vào mùa sinh sản.

**Câu 20:** Tuổi bình quân của cá thể trong quần thể được gọi là

**A.** tuổi quần thể. **B.**  tuổi sinh lí. **C.** tuổi sinh sản. **D.** tuổi quần thái.

**Câu 21:** Kích thước của quần thể là

**A.** số lượng cá thể hoặc khối lượng trong các cá thể của quần thể có trong khoảng không gian sống

**B.** số lượng cá thể hoặc khối lượng hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể trong khoảng không

**C.** khối lượng hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể của quần thể có trong khoảng không gian

**D.**  số lượng cá thể hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể của quần thể có trong khoảng không

**Câu 22: .** Nguyên nhân dẫn tới sự phân tầng trong quần xã

**A.** để giảm sự cạnh tranh nguồn sống, tiết kiệm diện tích.

**B.** để tăng khả năng sử dụng nguồn sống, do các loài có nhu cầu ánh sáng khác nhau.

**C.** do sự phân bố các nhân tố sinh thái không giống nhau, đồng thời mỗi loài thích nghi với các điều kiện sống khác nhau

**D.** để tiết kiệm diện tích, do các loài có nhu cầu nhiệt độ khác nhau.

**Câu 23:** Dân số một quốc gia ổn định nhất khi

**A.** nhóm tuổi trước sinh sản có tỉ lệ thấp nhất. **B.**  mức sinh và nhập cư bằng mức tử và di cư.

**C.** nhóm tuổi trước sinh sản có tỉ lệ cao nhất . **D.** nhóm tuổi sinh sản có tỉ lệ cao nhất.

**Câu 24:** Những nhân tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng thường phụ thuộc vào mật độ của quần thể bị tác động là

**A.**  nước, không **B.** các bệnh truyền nhiễm.

**C.** nhân tố vô sinh. **D.** nhân tố hữu sinh.

**Câu 25:** Hiện tượng khống chế sinh học đã

**A.** đảm bảo cân bằng sinh thái trong quần xã. **B.** làm cho một loài bị tiêu diệt.

**C.** mất cân bằng trong quần xã. **D.** làm cho quần xã chậm phát triển.

**Câu 26:** Trong mùa sinh sản, tu hú thường hay hất trứng chim chủ để đẻ thế trứng của mình vào đó. Vậy tu hú và chim chủ có mối quan hệ:

**A.** cạnh tranh (về nơi đẻ). **B.** hội sinh.

**C.** hợp tác (tạm thời trong mùa sinh sản). **D.** ức chế - cảm nhiễm.

**Câu 27:** Cho các hiện tượng sau:  
1. Dây tơ hồng sống trên cây thân gỗ.                          2. Cá mập con ăn trứng chưa kịp nở của mẹ.  
3. Tranh giành ánh sáng giữa các cây tràm trong rừng.  4. Chim ăn thịt ăn thịt thừa của thú.  
5. Chim cú mèo ăn rắn.                                                6. Nhạn biển và cò làm tổ sống chung.  
7. Những con chim tranh giành ăn thịt một con thú.  
Có bao nhiêu mối quan hệ thuộc kiểu quan hệ hợp tác

**A.** 0. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 28:** Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm

**A.** đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các chất hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.

**B.** đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các nhân tố vật lí bao quanh sinh vật.

**C.** tất cả các nhân tố vật lí, hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.

**D.**  đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật.

**Câu 29:** Những yếu tố nào không ảnh hưởng trực tiếp tới kích thước quần thể?

**A.** Sinh sản **B.** Tử vong **C.** Tỷ lệ giới tính **D.** Nhập cư và xuất cư

**Câu 30:** Người ta chia cấu trúc tuổi của quần thể thành

**A.** tuổi sinh lí, tuổi sinh sản và tuổi quần thể. **B.**  tuổi sinh sản, tuổi sinh lí và tuổi sinh thái.

**C.** tuổi sinh sản, tuổi sinh thái và tuổi quần thể. **D.** tuổi sinh lí, tuổi sinh thái và tuổi quần thể.

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **C** | **6** | **C** | **11** | **D** | **16** | **D** | **21** | **B** | **26** | **D** |
| **2** | **A** | **7** | **C** | **12** | **A** | **17** | **A** | **22** | **C** | **27** | **B** |
| **3** | **D** | **8** | **C** | **13** | **D** | **18** | **B** | **23** | **B** | **28** | **C** |
| **4** | **A** | **9** | **B** | **14** | **D** | **19** | **C** | **24** | **D** | **29** | **C** |
| **5** | **B** | **10** | **D** | **15** | **D** | **20** | **A** | **25** | **A** | **30** | **D** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2**  **trangtailieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2022 –2023**  **MÔN SINH 12** |

**Câu 1:** Bệnh bạch tạng do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể thường. Nếu bố mẹ bình thường có mang gen tiềm ẩn, thì xác suất con của họ bị mắc bệnh này là

**A.**  1/4. **B.**  1/6. **C.**  1/2. **D.**  1/8.

**Câu 2:** Một trong những điều kiện quan trọng nhất để quần thể từ chưa cân bằng chuyển thành quần thể cân bằng về thành phần kiểu gen là gì?

**A.**  Cho quần thể giao phối tự do.

**B.**  Cho quần thể sinh sản hữu tính.

**C.**  Cho quần thể sinh sản sinh dưỡng.

**D.**  Cho quần thể tự phối.

**Câu 3:** Lừa lai với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản. Hiện tượng nầy biểu hiện cho

**A.**  cách li trước hợp tử. **B.**  cách li sau hợp tử.

**C.**  cách li tập tính. **D.**  cách li mùa vụ.

**Câu 4:** Để xác định mối quan hệ họ hàng giữa loài A và các loài B, C, D, E, người ta nghiên cứu mức độ giống nhau về ADN của các loài này so với ADN của loài **A.** Kết quả thu được (tính theo tỉ lệ % giống nhau so với ADN của loài A) như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loài sinh vật** | **Loài A** | **Loài B** | **Loài C** | **Loài D** | **Loài E** |
| Tỉ lệ % giống ADN loài A | 100% | 72% | 88% | 98% | 92% |

Quan hệ họ hàng giữa loài A và các loài B, C, D, E là.

**A.** A  B  C  D  E.

**B.** A  D  C  B  E.

**C.** A  D  E  C  **B.**

**D.** A  B  C  E  **D.**

**Câu 5:** Dấu hiệu chủ yếu để kết luận 2 cá thể chắc chắn thuộc 2 loài sinh học khác nhau là

**A.**  chúng cách li sinh sản với nhau. **B.**  chúng sinh ra con bất thụ.

**C.**  chúng không cùng môi trường. **D.**  chúng có hình thái khác nhau.

**Câu 6:** Vai trò của cônxixin trong đột biến nhân tạo tạo giống mới là

**A.**  gây đột biến dị bội. **B.**  gây đột biến đa bội.

**C.**  gây đột biến gen. **D.**  gây đột biến cấu trúc NST.

**Câu 7:** Các cá thể khác loài có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên không thể giao phối với nhau. Đó là dạng cách li

**A.** tập tính . **B.**  cơ học. **C.**  sau hợp tử. **D.**  sinh thái .

**Câu 8:** Theo Đacuyn, hình thành lòai mới diễn ra theo con đường

**A.**  chọn lọc tự nhiên. **B.**  cách li sinh thái.

**C.**  cách li địa lí. **D.**  phân li tính trạng.

**Câu 9:** Một loài động vật, alen A nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định chân cao là trội hoàn toàn so với alen a quy định chân thấp. Một quần thể đang cân bằng di truyền có tần số alen a = 0,6. Tỉ lệ kiểu hình của quần thể là

**A.**  16 chân cao : 9 chân thấp. **B.**  4 chân cao : 6 chân thấp.

**C.**  3 chân cao : 1 chân thấp. **D.**  91 chân cao : 9 chân thấp.

**Câu 10:** Nhân tố tiến hóa nào sau đây không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng tăng dần tỉ lệ đồng hợp tử và giảm dần tỉ lệ dị hợp tử?

**A.**  Di – nhập gen. **B.**  Chọn lọc tự nhiên.

**C.**  Giao phối gần. **D.**  Đột biến.

**Câu 11:** Kỹ thuật nào dưới đây là ứng dụng công nghệ tế bào trong tạo giống mới ở thực vật?

**A.**  Phối hợp hai hoặc nhiều phôi tạo thành thể khảm.

**B.**  Nuôi cấy hạt phấn.

**C.**  Phối hợp vật liệu di truyền của nhiều loài trong một phôi.

**D.**  Tái tổ hợp thông tin di truyền của những loài khác xa nhau trong thang phân loại.

**Câu 12:** Nguyên liệu sơ cấp chủ yếu cho tiến hóa theo quan niệm hiện đại là

**A.** đột biến. **B.**  biến dị tổ hợp. **C.**  chọn lọc tự nhiên. **D.**  Di – nhập gen.

**Câu 13:** Hiện tượng con lai có năng suất, phẩm chất, sức chống chịu, khả năng sinh trưởng và phát triển vượt trội bố mẹ gọi là

**A.**  thoái hóa giống. **B.**  bất thụ.

**C.**  siêu trội. **D.**  ưu thế lai.

**Câu 14:** Các bước tiến hành trong kĩ thuật chuyển gen theo trình tự là:

**A.**  phân lập dòng tế bào chứa ADN tái tổ hợp → tạo ADN tái tổ hợp → chuyển ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận.

**B.**  tách gen và thể truyền → cắt và nối ADN tái tổ hợp → đưa ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận.

**C.**  tạo ADN tái tổ hợp → đưa ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận → phân lập dòng tế bào chứa ADN tái tổ hợp.

**D.**  tạo ADN tái tổ hợp → phân lập dòng ADN tái tổ hợp → đưa ADN tái tổ hợp vào tế bào nhận.

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.**  Cánh của bồ câu và cánh của châu chấu là cơ quan tương đồng do có chức năng giống nhau là  giúp cơ thể bay.

**B.**  Các cơ quan tương đồng có thể có hình thái, cấu tạo không giống nhau do chúng thực hiện chức năng khác nhau.

**C.**  Gai của cây hoa hồng là biến dạng của lá, còn gai của cây xương rồng là biến dạng của thân, và do có nguồn gốc khác nhau nên không được xem là cơ quan tương đồng.

**D.**  Tuyến tiết nọc độc của rắn và tuyến tiết nọc độc của bò cạp vừa được xem là cơ quan tương đồng, vừa được xem là cơ quan tương tự.

**Câu 16:** Người và tinh tinh khác nhau, nhưng thành phần axit amin ở chuỗi β Hb như nhau chứng tỏ cùng nguồn gốc thì gọi là

**A.**  bằng chứng giải phẫu so sánh. **B.**  bằng chứng sinh học phân tử

**C.**  bằng chứng phôi sinh học. **D.**  bằng chứng địa lí sinh học.

**Câu 17:** Nhân tố làm biến đổi chậm nhất tần số tương đối của các alen về một gen nào đó là

**A.**  giao phối. **B.**  các cơ chế cách li.

**C.**  chọn lọc tự nhiên. **D.**  đột biến.

**Câu 18:** Khi uống thuốc kháng sinh không đủ liều thì thường dễ gây hiện tượng “nhờn“ thuốc vì kháng sinh liều nhẹ sẽ

**A.**  kích thích vi khuẩn nhận gen kháng kháng sinh thông qua con đường tải nạp.

**B.**  gây đột biến gen, trong đó có một số đột biến là có lợi cho vi khuẩn.

**C.**  áp lực chọn lọc dòng vi khuẩn kháng kháng sinh.

**D.**  kích thích vi khuẩn tạo kháng thể chống lại kháng sinh.

**Câu 19:** Cơ sở vật chất di truyền của cừu Đôly được hình thành ở giai đoạn nào trong quy trình nhân bản?

**A.**  Chuyển nhân của tế bào tuyến vú vào tế bào trứng đã bị bỏ nhân.

**B.**  Chuyển phôi vào tử cung của một cừu mẹ để nó mang thai.

**C.**  Tách tế bào tuyến vú của cừu cho nhân.

**D.**  Nuôi cấy trên môi trường nhân tạo cho trứng phát triển thành phôi.

**Câu 20:** Giao phối gần hoặc tự thụ phấn qua nhiều thế hệ sẽ dẫn đến thoái hóa giống vì:

**A.**  xuất hiện ngày càng nhiều các đột biến có hại.

**B.**  các gen lặn đột biến có hại biểu hiện thành kiểu hình do chúng được đưa về trạng thái đồng hợp.

**C.**  tập trung các gen trội có hại ở thế hệ sau.

**D.**  các gen lặn đột biến có hại bị các gen trội át chế trong kiểu gen dị hợp.

**Câu 21:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng về nguồn biến dị di truyền của quá trình tạo giống mới?

I. Biến dị tổ hợp. II. Biến di đột biến.

III. Biến dị không di truyền. IV. ADN tái tổ hợp.

**A.**  2. **B.**  3. **C.**  1. **D.**  4.

**Câu 22:**  Enzim nối sử dụng trong kĩ thuật tạo ADN tái tổ hợp có tên là

**A.**  restrictaza. **B.**  ADN-pôlimeraza. **C.**  ligaza. **D.**  ARN-pôlimeraza.

**Câu 23:** Bệnh nào sau đây ở người là do đột biến gen gây ra?

**A.**  Claiphentơ. **B.**  Đao.

**C.**  Ung thư máu. **D.**  Thiếu máu hình liềm.

**Câu 24:** Quần thể nào sau đây ở trạng thái cân bằng di truyền?

**A.**  0,49AA : 0,42Aa : 0,09aa. **B.**  0,5AA : 0,5Aa.

**C.**  0,5AA : 0,3Aa : 0,2aa. **D.**  0,5Aa : 0,5aa.

**Câu 25:** Khi nói về nhân tố tiến hoá, đặc điểm nào sau đây là đặc điểm chung cho giao phối không ngẫu nhiên và các yếu tố ngẫu nhiên?

**A.**  Làm thay đổi thành phần kiểu gen và tần số alen của quần thể không theo một hướng xác định.

**B.**  Làm cho quần thể bị biến đổi vốn gen theo hướng làm xuất hiện các alen mới và kiểu gen mới.

**C.**  Làm tăng tỉ lệ kiểu gen đồng hợp và giảm tỉ lệ kiểu gen dị hợp trong quần thể dẫn tới quần thể tiến hoá.

**D.**  Làm giảm tính đa dạng di truyền, làm nghèo vốn gen của quần thể.

**Câu 26:** Theo lí thuyết, đời con F1 của phép lai nào sau đây có ưu thế lai cao cao nhất?

**A.**  AABBDD ×AAbbD**D.** **B.**  AABBdd × aaBBD**D.**

**C.**  AABBDD × AAbbdd. **D.**  AAbbDD × aaBBdd.

**Câu 27:** Biết không xảy ra đột biến, từ hai dòng thuần chủng có kiểu gen AAbbddee và aabbDDEE. Có thể tạo ra được bao nhiêu dòng thuần chủng mới từ hai dòng thuần này?

**A.**  14. **B.**  16. **C.**  6. **D.**  8.

**Câu 28:** Theo quan niệm hiện đại, ở các loài giao phối đối tượng tác động của chọn lọc tự nhiên chủ yếu là

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **A** | **6** | **B** | **11** | **B** | **16** | **B** | **21** | **B** | **26** | **D** |
| **2** | **A** | **7** | **B** | **12** | **A** | **17** | **D** | **22** | **C** | **27** | **C** |
| **3** | **B** | **8** | **D** | **13** | **D** | **18** | **C** | **23** | **D** | **28** | **C** |
| **4** | **C** | **9** | **A** | **14** | **C** | **19** | **A** | **24** | **A** |  |  |
| **5** | **A** | **10** | **C** | **15** | **B** | **20** | **B** | **25** | **D** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 3**  **trangtailieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2022 –2023**  **MÔN SINH 12** |

**I. PHẦN CHUNG**

**Câu 1:** Cho các dạng cách li: 1: cách li không gian 2: cách li cơ học 3: cách li tập tính

4: cách li khoảng cách 5: cách li sinh thái 6: cách li thời gian.

Cách li trước hợp tử gồm:

**A.** 2,3,4,6 **B.** 2,3,5,6 **C.** 1,2,4,6 **D.** 1,2,3,6

**Câu 2:** Hầu hết cây trồng nhiệt đới quang hợp tốt nhất ở nhiệt độ 20-300C, khi nhiệt độ xuống dưới 00C và cao hơn 400C, cây ngừng quang hợp. Kết luận đúng là khoảng nhiệt độ:

1. 20 – 300C được gọi là giới hạn sinh thái

2. 20 – 300C được gọi là khoảng thuận lợi

3. 0 – 400C được gọi là giới hạn sinh thái

4. 0 – 400C được gọi là khoảng chống chịu

5. 00C gọi là giới hạn dưới, 400C gọi là giới hạn trên.

**A.** 1,2,3. **B.** 2,3,5. **C.** 1,4,5. **D.**  3,4,5.

**Câu 3:** Hình thành loài bằng lai xa và đa bội hoá thường xảy ra đối với

**A.** động vật bậc thấp **B.** động vật **C.** động vật bậc cao **D.** thực vật

**Câu 4:** Ổ sinh thái của một loài là

**A.**  một "không gian sinh thái" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển lâu dài.

**B.** một "không gian hoạt động" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường đảm bảo cho sinh vật có thể kiếm ăn và giao phối với nhau.

**C.** một "không gian sống" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong khoảng thuận lợi cho phép loài đó phát triển tốt nhất.

**D.** một "khu vực sinh thái" mà ở đó có nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép các loài tồn tại và phát triển lâu dài.

**Câu 5:** Để phân biệt 2 cá thể thuộc hai loài khác nhau thì tiêu chuẩn nào sau đây là quan trọng nhất?

**A.** Sinh lí,sinh hoá **B.** cách li sinh sản **C.** Sinh thái **D.** Hình thái

**Câu 6:** Đối với vi khuẩn, tiêu chuẩn có ý nghĩa hàng dầu để phân biệt hai loài thân thuộc là

**A.** tiêu chuẩn sinh lí **B.** tiêu chuẩn sinh thái.

**C.** tiêu chuẩn hoá sinh **D.** tiêu chuẩn di truyền.

**Câu 7:** Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều yếu tố sinh thái chúng có vùng phân bố

**A.** hạn chế. **B.** vừa phải. **C.** rộng. **D.** hẹp.

**Câu 8:** Cây tầm gửi sống trên cây bưởi, sán lá gan sống trong ống tiêu hoá của chó, mèo. Các sinh vật đó có loại môi trường sống là

**A.** môi trường trên cạn. **B.** môi trường nước. **C.** môi trường sinh vật. **D.** môi trường đất.

**Câu 9:** Giới hạn sinh thái là

**A.** khoảng chống chịu ở đó đời sống của loài ít bất lợi.

**B.** khoảng giá trị xác định của nhân tố sinh thái, ở đó loài có thể tồn tại, phát triển ổn định theo thời gian.

**C.**  khoảng cực thuận, ở đó loài sống thuận lợi nhất.

**D.** khoảng giá trị xác định ở đó loài sống thuận lợi nhất, hoặc sống bình thường nhưng năng lượng bị hao tổn tối thiểu.

**Câu 10:** Nhân tố nào là nhân tố sinh thái vô sinh?

**A.** Lá khô trên sàn rừng. **B.** Rừng mưa nhiệt đới. **C.** Đồng lúa. **D.** Cá rô phi.

**II. PHẦN DÀNH CHO BAN CƠ BẢN:** *(câu 11 đến câu 30)*

**Câu 11:** Nếu trong những mẻ lưới thu được khi đánh cá có tỉ lệ cá lớn chiếm ưu thế, cá nhỏ rất ít thì ta hiểu rằng

**A.** nghề cá đang đánh bắt một cách hợp lý. **B.** nghề cá đã rơi vào tình trạng khai thác quá mức.

**C.** nghề cá chưa khai thác hết tiềm năng cho phép. **D.** các quần thể cá đang sinh sản rất mạnh.

**Câu 12:** Điều **không** đúng về cơ chế tham gia điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể là

**A.** sự cạnh tranh cùng loài và sự di cư của một bộ phận hay cả quần thể.

**B.** tỉ lệ sinh tăng thì tỉ lệ tử giảm trong quần thể.

**C.** sự điều chỉnh vật ăn thịt và vật ký sinh.

**D.** sự thay đổi mức sinh sản và tử vong dưới tác động của nhân tố vô sinh và hữu sinh.

**Câu 13:** Tập hợp nào dưới đây không phải là quần thể:

**A.** rừng cọ ở Vĩnh Phú. **B.** đàn chim hải âu ở quần đảo Trường Sa.

**C.** cá ở Hồ Tây. **D.** đàn voi ở rừng Tánh Linh.

**Câu 14:** Hình thức phân bố cá thể đồng đều trong quần thể có ý nghĩa sinh thái gì?

**A.** Giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.

**B.** Các cá thể tận dụng được nguồn sống từ môi trường.

**C.** Các cá thể hỗ trợ nhau trong việc săn tìm con mồi.

**D.** Các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.

**Câu 15:** Quần thể ruồi nhà ở nhiều vùng nông thôn xuất hiện nhiều vào một khoảng thời gian nhất định trong năm (thường là mùa hè), còn vào thời gian khác thì hầu như giảm hẳn. Như vậy quần thể này

**A.** biến động số lượng theo chu kỳ mùa **B.** biến động số lượng không theo chu kỳ

**C.** không phải là biên động số lượng **D.** biến động số lượng theo chu kỳ năm

**Câu 16:** Mật độ cá thể của quần thể là

**A.** số lượng cá thể trong quần thể trên một đơn vị thể tích của quần thể.

**B.** khối lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

**C.** số lượng cá thể trong quần thể trên một đơn vị diện tích của quần thể.

**D.** số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

**Câu 17:** Người ta chia cấu trúc tuổi của quần thể thành

**A.** tuổi sinh lí, tuổi sinh thái và tuổi quần thể. **B.** tuổi sinh sản, tuổi sinh thái và tuổi quần thể.

**C.** tuổi sinh lí, tuổi sinh sản và tuổi quần thể. **D.** tuổi sinh sản, tuổi sinh lí và tuổi sinh thái.

**Câu 18:** Tuổi bình quân của cá thể trong quần thể được gọi là

**A.** tuổi quần thể. **B.** tuổi sinh sản. **C.** tuổi sinh lí. **D.** tuổi quần thái.

**Câu 19:** Ví dụ **không** phải thể hiện mối quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể là

**A.** Khi thiếu thức ăn, một số động vật ăn lẫn nhau . Như ở cá mập, khi cá mập con mới nở ra sử dụng ngay các trứng chưa nở làm thức ăn.

**B.** Khi thiếu thức ăn, nơi ở người ta thấy nhiều quần thể cá, chim, thú đánh lẫn nhau, doạ nạt nhau bằng tiếng hú hoặc động tác nhằm bảo vệ cơ thể nhất là nơi sống.

**C.** Ở thực vật, tre, lứa thường sống quần tụ với nhau giúp chúng tăng khả năng chống chịu với gió bão. Nhưng khi gặp phải gió bão quá mạnh các cây tre, lứa đổ vào nhau.

**D.** Ở những quần thể như rừng bạch đàn, rừng thông ở những nơi cây mọc quá dày người ta thấy có hiện tượng một số cây bị chết đó là hiện tượng “tự tỉa thưa” ở thực vật.

**Câu 20:** Khi quần thể vượt quá “mức chịu đựng” thì thể thường xảy ra mối quan hệ

**A.** cạnh tranh. **B.** hỗ trợ. **C.** cộng sinh. **D.** hội sinh.

**Câu 21:** Một quần thể sinh vật sẽ bị diệt vong nếu mất đi nhóm tuổi

**A.** trước sinh sản. **B.** sau sinh sản.

**C.** trước sinh sản và đang sinh sản. **D.** trước sinh sản và sau sinh sản.

**Câu 22:** Ý nghĩa của sự cạnh tranh cùng loài là

**A.** làm tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.

**B.** làm tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

**C.** làm suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.

**D.** đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể duy trì ở mức phù hợp với nguồn sống.

**Câu 23:** Ý có nội dung **không** đúng khi nói về các giai đoạn trong quá trình hình thành quần thể sinh vật là

**A.** Những cá thể nào không thích nghi sẽ bị tiêu diệt hoặc phải di cư đến nơi khác. Những cá thể còn lại thích nghi dần với điều kiện sống.

**B.** giữa các cá thể cùng loài gắn bó chặt chẽ với nhau thông qua cá mối quan hệ sinh thái và dần hình thành quẩn thể ổn định, thích nghi với điều kiện ngoại cảnh.

**C.** giữa các cá thể cùng loài gắn bó với nhau về các mối quan hệ sinh thái và dần dần hình thành quần thể không ổn định, không thích nghi với điều kiện ngoại cảnh.

**D.** đầu tiên, một số cá thể cùng loài phát tán tới một môi trường sống mới. Những cá thể nào không thích nghi sẽ bị tiêu diệt hoặc phải di cư đến nơi khác.

**Câu 24:** Nhân tố nào là nhân tố hữu sinh gây biến động số lượng cá thể của quần thể?

**A.** Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong đàn **B.** Lũ lụt

**C.** Khí hậu **D.** Nhiệt độ xuống quá thấp

**Câu 25:** Ở những nước đang phát triển, để nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm ô nhiễm môi trường, biện pháp nào dưới đây cần được đặt lên hàng đầu?

**A.** Hạn chế tăng dân số. **B.** Khai hoang.

**C.** Xử lí rác thải. **D.** Trồng rừng.

**Câu 26:** Tuổi sinh thái được tính

**A.** từ khi cá thể sinh ra cho đến khi bị chết vì già.

**B.** bằng tuổi trung bình của các cá thể còn non trong quần thể.

**C.** từ khi cá thể sinh ra cho đến khi chết vì nguyên nhân sinh thái.

**D.** bằng tuổi trung bình của các cá thể già trong quần thể.

**Câu 27:** Nguyên nhân của hiện tượng biến động số lượng cá thể quần thể theo chu kỳ là do:

**A.** Do những thay đổi có tính chu kỳ của điều kiện môi trường.

**B.** Do mỗi năm đều có một loại dịch bệnh tấn công quần thể.

**C.** Do các hiện tượng thiên tai xảy ra hàng năm.

**D.** Do những thay đổi có tính chu kỳ của dịch bệnh hàng năm.

**Câu 28:** Quần thể là

**A.** tập hợp các cá thể trong cùng một loài, sinh sống trong các khoảng không gian khác nhau, vào các thời điểm khác nhau, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**B.** một nhóm các cá thể trong cùng một loài, cùng sinh sống trong một khoảng không gian xác định, vào những thời gian khác nhau, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**C.** tập hợp các cá thể trong cùng một loài, cùng sinh sống trong một khoảng không gian xác định, vào một thời gian nhất định, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**D.** tập hợp các cá thể trong cùng một loài, sinh sống trong các khoảng không gian khác nhau, vào một thời gian nhất định, có khả năng sinh sản và tạo thành những thế hệ mới.

**Câu 29:** Kích thước của quần thể là

**A.** số lượng cá thể hoặc khối lượng trong các cá thể của quần thể có trong khoảng không gian sống

**B.** khối lượng hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể của quần thể có trong khoảng không gian

**C.** số lượng cá thể hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể của quần thể có trong khoảng không

**D.** số lượng cá thể hoặc khối lượng hoặc năng lượng tích luỹ trong các cá thể trong khoảng không

**Câu 30:** Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu đặc trưng của quần thể:

**A.** Độ đa dạng. **B.** Mật độ. **C.** Tỉ lệ đực cái **D.** Sức sinh sản, cấu trúc tuổi

**III. PHẦN DÀNH CHO BAN NÂNG CAO** *( câu 31 đến câu 50)*

**Câu 31:**  Người ta có thể dựa vào sự giống nhau và khác nhau nhiều hay ít về thành phần, số lượng và đặc biệt là trình tự sắp xếp các nuclêôtit của cùng một gen ở các loài khác nhau để xác định mức độ quan hệ họ hàng giữa các loài sinh vật. Đây là bằng chứng:

**A.** giải phẫu so sánh. **B.** phôi sinh học.

**C.** sinh học phân tử. **D.**  địa lí sinh vật học.

**Câu 32:** Tiến hoá nhỏ là quá trình

**A.** biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể dẫn tới sự biến đổi kiểu hình.

**B.** biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

**C.** hình thành các nhóm phân loại trên loài.

**D.** biến đổi kiểu hình của quần thể dẫn tới sự hình thành loài mới.

**Câu 33:** Việc phân định các mốc thời gian trong lịch sử quả đất căn cứ vào:

**A.**  Sự dịch chuyển của các đại lục

**B.**  Những biến đổi về địa chất, khí hậu và hoá thạch điển hình

**C.**  Độ phân rã của các nguyên tố phóng xạ

**D.**  Xác định tuổi của các lớp chất và hoá thạch

**Câu 34:**  Cơ quan thoái hóa là cơ quan

**A.** thay đổi cấu tạo phù hợp chức năng. **B.** biến mất hòan tòan.

**C.** phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành. **D.**  thay đổi cấu tạo.

**Câu 35:** Các cá thể khác loài có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên không thể giao phối với nhau. Đó là dạng cách li

**A.** sau hợp tử **B.** cơ học **C.** tập tính **D.** trước hợp tử

**Câu 36:**  Cơ quan tương tự là những cơ quan

**A.** cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

**B.** có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

**C.** cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

**D.** có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

**Câu 37:**  Giải thích mối quan hệ giữa các loài Đacuyn cho rằng các loài

**A.** được biến đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện nhưng có nguồn gốc khác nhau.

**B.** đều được sinh ra cùng một thời điểm và đều chịu sự chi phối của chọn lọc tự nhiên.

**C.** là kết quả của quá trình tiến hoá từ rất nhiều nguồn gốc khác nhau.

**D.** là kết quả của quá trình tiến hoá từ một nguồn gốc chung.

**Câu 38:** Trường hợp nào sau đây không phải là hóa thạch?

**A.**  Mũi tên đồng,trống đồng Đông sơn **B.**  Xác côn trùng trong hổ phách hàng nghìn năm

**C.**  Than đá có vết lá dương xỉ **D.**  Dấu chân khủng long trên than bùn

**Câu 39:** Nguồn nguyên liệu sơ cấp của quá trình tiến hoá là

**A.** quá trình giao phối. **B.** biến dị tổ hợp. **C.** đột biến. **D.**  nguồn gen du nhập.

**Câu 40:**  Theo Đacuyn, cơ chế chính của tiến hóa là quá trình

**A.** phân li tính trạng. **B.**  Giao phối. **C.** chọn lọc tự nhiên. **D.** đột biến.

**Câu 41:** Nhân tố tiến hoá làm thay đổi tần số alen của quần thể có kích thước nhỏ một cách nhanh nhất là:

**A.** các yếu tố ngẫu nhiên. **B.** di - nhập gen.

**C.** CLTN. **D.** đột biến.

**Câu 42:**  Các loài sâu ăn lá thường có màu xanh lục lẫn với màu xanh của lá, nhờ đó mà khó bị chim ăn sâu phát hiện và tiêu diệt. Theo Đacuyn, đặc điểm thích nghi này được hình thành là do:

**A.** Khi chuyển sang ăn lá, sâu tự biến đổi màu sắc cơ thể để thích nghi với môi trường.

**B.** Chọn lọc tự nhiên tích lũy các biến dị cá thể màu xanh lục qua nhiều thế hệ.

**C.** Chọn lọc tự nhiên tích lũy các đột biến màu xanh lục xuất hiện ngẫu nhiên trong quần thể sâu.

**D.** Ảnh hưởng trực tiếp của thức ăn là lá cây có màu xanh làm biến đổi màu sắc cơ thể sâu.

**Câu 43:**  Trong tiến hoá các cơ quan tương đồng có ý nghĩa phản ánh

**A.** sự tiến hoá phân li. **B.** sự tiến hoá đồng quy.

**C.** sự tiến hoá song hành. **D.** phản ánh nguồn gốc chung.

**Câu 44:** Quá trình tiến hoá nhỏ kết thúc khi

**A.** loài mới xuất hiện. **B.** quần thể mới xuất hiện.

**C.** họ mới xuất hiện. **D.** chi mới xuất hiện.

**Câu 45:**  Theo Đacuyn, đối tượng tác động của chọn lọc tự nhiên là

**A.** cá thể. **B.** giao tử. **C.** nhiễm sắc thể. **D.** quần thể.

**Câu 46:**  Theo Đacuyn, sự hình thành nhiều giống vật nuôi, cây trồng trong mỗi loài xuất phát từ một hoặc vài dạng tổ tiên hoang dại là kết quả của quá trình

**A.** phân li tính trạng trong chọn lọc nhân tạo.

**B.** phân li tính trạng trong chọn lọc tự nhiên.

**C.** phát sinh các biến dị cá thể.

**D.** tích luỹ những biến dị có lợi, đào thải những biến dị có hại đối với sinh vật.

**Câu 47:** Ở một loài thực vật giao phấn, các hạt phấn của quần thể 1 theo gio bay sang quần thể 2 và thụ phấn cho các cây của quần thể 2. Đây là một ví dụ về:

**A.** di –nhập gen **B.** biến động di truyền.

**C.** giao phối không ngẫu nhiên **D.** thoái hóa giống

**Câu 48:** Lừa lai với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản. Hiện tượng nầy biểu hiện cho

**A.** cách li mùa vụ. **B.** cách li tập tính.

**C.** cách li trước hợp tử. **D.** cách li sau hợp tử.

**Câu 49:**  Theo Đacuyn, nguồn nguyên liệu của chọn giống và tiến hóa là

**A.** các biến dị cá thể phát sinh trong quá trình sinh sản theo những hướng không xác định

**B.** những biến đổi do tập quán hoạt động

**C.** biến dị di truyền

**D.** những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác dụng trực tiếp của điều kiện sống.

**Câu 50:** Phát biểu nào dưới đây nói về vai trò của cách li địa trong quá trình hình thành loài là đúng nhất?

**A.** Môi trường địa lí khác nhau là nguyên nhân chính làm phân hoá thành phần kiểu gen của quần thể

**B.** Cách li địa lí luôn luôn dẫn đến cách li sinh sản

**C.** Cách li địa lí có thể dẫn đến hình thành loài mới qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp

**D.** Không có cách li địa lí thì không thể hình thành loài mới

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **B** | **6** | **C** | **11** | **A** | **16** | **D** | **21** | **C** | **26** | **C** | **31** | **C** | **36** | **B** | **41** | **A** | **46** | **A** |
| **2** | **B** | **7** | **C** | **12** | **B** | **17** | **A** | **22** | **D** | **27** | **A** | **32** | **B** | **37** | **D** | **42** | **B** | **47** | **A** |
| **3** | **D** | **8** | **C** | **13** | **C** | **18** | **A** | **23** | **C** | **28** | **C** | **33** | **B** | **38** | **A** | **43** | **A** | **48** | **D** |
| **4** | **A** | **9** | **B** | **14** | **A** | **19** | **C** | **24** | **A** | **29** | **D** | **34** | **C** | **39** | **C** | **44** | **A** | **49** | **A** |
| **5** | **B** | **10** | **A** | **15** | **A** | **20** | **A** | **25** | **A** | **30** | **A** | **35** | **B** | **40** | **C** | **45** | **A** | **50** | **C** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 4**  **trangtailieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2022 –2023**  **MÔN SINH 12** |

**Câu 1:** Cho các phát biểu về nhân tố tiến hóa, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1). Đột biến gen và di - nhập gen đều làm phong phú vốn gen cho quần thể.

(2). Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố tiến hóa luôn làm thay đổi tần số alen của quần thể.

(3). Chọn lọc tự nhiên và yếu tố ngẫu nhiên đều làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể.

(4). Đột biến và yếu tố ngẫu nhiên đều làm thay đổi tần số alen của quần thể.

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 3

**Câu 2:** Trong quá trình hình thành loài khác khu, cách li địa lí có vai trò

**A.** hạn chế sự giao phối tự do giữa các cá thể thuộc quần thể cùng loài.

**B.** làm biến đổi tần số alen theo những hướng khác nhau.

**C.** làm phát sinh alen mới, qua đó làm tăng sự đa dạng di truyền trong quần thể

**D.** hạn chế sự giao phối tự do giữa các cá thể thuộc quần thể khác loài.

**Câu 3:** Theo quan niệm hiện đại nhân tố tiến hóa nào sau đây làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng tăng tần số kiểu gen đồng hợp, giảm tần số kiểu gen dị hợp?

**A.** Đột biến. **B.** Giao phối không ngẫu nhiên.

**C.** Giao phối ngẫu nhiên. **D.** Chọn lọc tự nhiên.

**Câu 4:** Theo thuyết tiến hóa hiện đại về quá trình hình thành loài mới, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Hình thành loài mới là quá trình cải biến thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng thích nghi.

**B.** Khi sự cách li sinh sản giữa các quần thể xuất hiện thì loài mới được hình thành.

**C.** Quá trình hình thành quần thể thích nghi chắc chắn dẫn đến hình thành loài mới.

**D.** Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.

**Câu 5:** Khi nói về hóa thạch, kết luận nào sau đây **không** đúng?

**A.** Xác định tuổi hóa thạch bằng phương pháp phân tích đồng vị phóng xạ có trong hóa thạch.

**B.** Hóa thạch cung cấp cho chúng ta những bằng chứng gián tiếp về lịch sử tiến hóa của sinh giới

**C.** Dựa vào hóa thạch có thể xác định được lịch sử phát sinh, phát triển và diệt vong sinh vật.

**D.** Hóa thạch là di tích của sinh vật để lại trong các lớp đất đá của vỏ Trái Đất.

**Câu 6:** Ba loài ếch khác nhau cùng sống trong 1 cái ao, song chúng bao giờ cũng bắt cặp giao phối đúng với các cá thể cùng loài vì các loài này có tiếng kêu khác nhau. Đây là dạng cách li nào?

**A.** Cách li mùa vụ. **B.** Cách li nơi ở. **C.** Cách li cơ học. **D.** Cách li tập tính.

**Câu 7:** Đặc điểm nào sau đây đúng với tiến hóa lớn?

**A.** Hình thành các đơn vị phân loại trên loài. **B.** Có thể nghiên cứu bằng thực nghiệm.

**C.** Diễn ra trong phạm vi của loài với quy mô nhỏ. **D.** Hình thành các đơn vị phân loại dưới loài.

**Câu 8:** Cặp cơ quan nào dưới đây là cơ quan tương tự?

**A.** Cánh bướm và cánh chim. **B.** Gai xương rồng và tua cuốn đậu Hà lan.

**C.** Chân trước của mèo và cánh dơi. **D.** Tuyến nọc độc của rắn và tuyến nước bọt của người.

**Câu 9:** Loài vượn người có quan hệ họ hàng gần nhất với người?

**A.** Đười ươi. **B.** Vượn. **C.** Gorila. **D.** Tinh tinh.

**Câu 10:** Những điểm khác nhau giữa người và vượn người ngày nay chứng minh

**A.** người và vượn người ngày nay có quan hệ rất thân thuộc.

**B.** quan hệ nguồn gốc giữa người với động vật có xương sống.

**C.** vượn người ngày nay không phải tổ tiên của loài người.

**D.** người và vượn người ngày nay cùng tiến hoá theo một hướng.

**Câu 11:** Cho các phát biểu về vai trò chọn lọc tự nhiên trong tiến hóa nhỏ, những phát biểu nào sau đây là đúng?

(1). Có thể loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó ra khỏi quần thể, dù alen đó có lợi.

(2). Làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu theo hướng xác định.

(3). Chọn lọc chống alen trội làm thay đổi tần số alen của quần thể nhanh chóng.

(4). Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu hình gián tiếp làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen quần thể.

**A.** (2),(3), (4). **B.** (1), (2),(3). **C.** (1), (2),(3), (4). **D.** (3), (4).

**Câu 12:** Quá trình hình thành loài bằng lai xa và đa bội hóa thường xảy ra ở đối tượng nào sau đây?

**A.** Phổ biến ở thực vật, ít gặp ở động vật. **B.** Phổ biến động vật, ít gặp ở thực vật.

**C.** Chỉ gặp ở động vật bậc thấp. **D.** Phổ biến ở động vật và thực vật.

**Câu 13:** Các cá thể thuộc các loài khác nhau có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên chúng không giao phối với nhau. Đây là dạng cách li

**A.** sinh cảnh. **B.** tập tính. **C.** cơ học. **D.** thời vụ.

**Câu 14:** Loài cỏ Spartina có bộ nhiễm sắc thể 2n = 120 được xác định gồm bộ nhiễm sắc thể của loài cỏ gốc châu Âu 2n = 50 và bộ nhiễm sắc thể của loài cỏ gốc châu Mĩ 2n = 70. Loài cỏ Spartina được hình thành bằng

**A.** con đường tự đa bội hóa. **B.** cách ly tập tính.

**C.** cách ly sinh sản. **D.** con đường lai xa và đa bội hóa.

**Câu 15:** Trong cùng một khu vực địa lí, các quần thể của loài có thể gặp các điều kiện sinh thái khác nhau, chọn lọc tự nhiên tích lũy các đột biến và biến dị tổ hợp theo những hướng khác nhau thích nghi với điều kiện sinh thái tương ứng, dần dần dẫn đến cách li sinh sản rồi thành loài mới. Đây là phương thức hình thành loài mới bằng con đường

**A.** lai xa và đa bội hóa. **B.** cách li sinh thái. **C.** địa lí. **D.** cách li tập tập tính.

**Câu 16:** Nhân tố tiến hoá nào sau đây có thể làm phong phú vốn gen trong quần thể sinh vật?

**A.** Các yếu tố ngẫu nhiên **B.** Giao phối không ngẫu nhiên.

**C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Di - nhập gen

**Câu 17:** Theo quan niệm Đac- Uyn, động lực của chọn lọc tự nhiên là

**A.** tích lũy các biến dị có lợi. **B.** đào thải các biến dị có hại.

**C.** nhu cầu thị hiếu của con người. **D.** đấu tranh sinh tồn.

**Câu 18:** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nguồn nguyên liệu thứ cấp của quá trình tiến hoá là

**A.** nguồn gen di nhập. **B.** quá trình giao phối. **C.** biến dị tổ hợp. **D.** đột biến.

**Câu 19:** Một quần thể có cấu trúc di truyền 0,2AA : 0,8Aa. Sau một thế hệ, cấu trúc di truyền của quần thể là 0,6AA: 0,4Aa. Quần thể này đã chịu sự tác động của nhân tố tiến hóa nào sau đây?

**A. C**họn lọc tự nhiên. **B.** Yếu tố ngẫu nhiên.

**C.** Đột biến gen. **D.** Giao phối không ngẫu nhiên.

**Câu 20:** “Tất cả cơ thể sinh vật từ đơn bào đến đa bào đều được cấu tạo từ tế bào” là nội dung của bằng chứng

**A.** giải phẫu so sánh. **B.** sinh học phân tử. **C.** tế bào học. **D.** phôi sinh học.

**Câu 21:** Các loài sâu ăn lá thường có màu xanh lục lẫn với màu xanh của lá, nhờ đó mà khó bị chim ăn sâu phát hiện và tiêu diệt. Theo quan niệm hiện đại, đặc điểm thích nghi này hình thành được là do

**A.** khi chuyển sang ăn lá, sâu tự biến đổi màu cơ thể để thích nghi với môi trường.

**B.** chọn lọc tự nhiên tích lũy các đột biến màu xanh lục xuất hiện ngẫu nhiên trong quần thể sâu.

**C.** ảnh hưởng trực tiếp của thức ăn là lá cây có màu xanh làm biến đổi màu sắc cơ thể sâu.

**D.** chọn lọc tự nhiên tích lũy các biến dị cá thể màu xanh lục qua nhiều thế hệ.

**Câu 22:** Phát biểu nào sau đây là đúng về tiến hóa nhỏ?

**A.** Kết quả thành các nhóm phân loại trên loài (chi, họ, bộ...).

**B.** Là quá trình biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể qua các thế hệ.

**C.** Diễn ra trong thời gian địa chất lâu dài và chỉ có thể nghiên cứu gián tiếp.

**D.** Diễn ra trong phạm vi lớn, không nghiên cứu bằng thực nghiệm.

**Câu 23:** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, quá trình tiến hóa nhỏ diễn ra ở đơn vị nào sau đây?

**A.** Loài. **B.** Chi. **C.** Quần thể. **D.** Bộ.

**Câu 24:** Trường hợp nào sau đây **không** phải là hóa thạch?

**A.** Xác côn trùng trong hổ phách hàng nghìn năm. **B.** Dấu chân khủng long trên than bùn.

**C.** Lưỡi rìu bằng đá của người cổ Homo. **D.** Than đá có vết lá dương xỉ .

**Câu 25:** Trong phương thức hình thành loài bằng con đường địa lí, nhân tố nào sau đây là nguyên nhân trực tiếp gây ra những biến đổi trên cơ thể sinh vật?

**A.** Chọn lọc tự nhiên. **B.** Đột biến. **C.** Sự cách li địa lí. **D.** Quá trình giao phối.

**Câu 26:** Một loài mao lương ban đầu đã hình thành nên hai loài khác nhau, một loài sống ở bãi bồi sông, một loài sống ở phía trong bờ sông, chúng cách li sinh sản với nhau. Hai loài này đã được hình thành bằng con đường?

**A.** Cách li sinh thái. **B.** Cách li cơ học. **C.** Cách li địa lí. **D.** Cách li tập tính.

**Câu 27:** Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của cơ chế cách li sau hợp tử?

**A.** Lừa giao phối với ngựa sinh ra con la không có khả năng sinh sản hữu tính.

**B.** Loài cỏ băng sống ở bãi bồi sông Vonga không ra hoa cùng thời điểm với loài cỏ băng sống bên trong bờ đê của dòng sông này.

**C.** Hai loài ếch đốm có tiếng kêu khác nhau khi giao phối.

**D.** Ngựa vằn phân bố ở châu Phi nên không giao phối được với ngựa hoang phân bố ở Trung Á

**Câu 28:** Theo quan niệm Đac- Uyn, nguồn nguyên liệu của tiến hóa là

**A.** biến dị đột biến. **B.** biến dị xác định. **C.** biến dị cá thể. **D.** biến dị tổ hợp.

**Câu 29:** Phân hóa khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể với các kiểu gen khác nhau trong quần thể là kết quả tác động của nhân tố tiến hóa nào sau đây?

**A.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **B.** Giao phối có lựa chọn.

**C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Di nhập gen.

**Câu 30:** Kết quả của tiến hóa hóa học là

**A.** hình thành sinh vật đa bào. **B.** hình thành hệ sinh vật đa dạng phong phú như hôm nay. **C.** hình thành tế bào sơ khai. **D.** hình thành chất hữu cơ phức tạp.

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **D** | **6** | **D** | **11** | **A** | **16** | **D** | **21** | **B** | **26** | **A** |
| **2** | **A** | **7** | **A** | **12** | **A** | **17** | **D** | **22** | **B** | **27** | **A** |
| **3** | **B** | **8** | **A** | **13** | **C** | **18** | **C** | **23** | **C** | **28** | **C** |
| **4** | **C** | **9** | **D** | **14** | **D** | **19** | **B** | **24** | **C** | **29** | **C** |
| **5** | **B** | **10** | **C** | **15** | **B** | **20** | **C** | **25** | **B** | **30** | **D** |